

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
T PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2020/HNGĐ-ST
Ngày 31-8-2020
V/v tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T NGUYÊN, T PHỐ HẢI PHÒNG**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chương

Ông Trần Đình Diệu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Liễu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, T phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, T phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, T phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 926/2019/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 178/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, T phố Hải Phòng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tự Đ; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, T phố Hải Phòng. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị T; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, T phố Hải Phòng; (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 01 năm 2020). Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện T; địa chỉ: Đường Đ, thị trấn N, huyện T, T phố Hải Phòng;

Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T: Ông Đinh Chính Q, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T (Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 5428/QĐ- UBND ngày 13 tháng 8 năm 2020). Vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Tự T; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Minh G; địa chỉ: Số 55, Chợ Con, phường T, Quận L, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Tự T và chị Nguyễn Thị Minh G: Bà Nguyễn Thị H; địa chỉ: Thôn 2 Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 05 và ngày 08 tháng 6 năm 2020). Có mặt.

4. Cụ Nguyễn Tự T1 và cụ Trần Thị K; địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt cụ Nguyễn Tự T1, có mặt cụ Trần Thị K.

Người đại diện theo ủy quyền của cụ Nguyễn Tự T1 là cụ Trần Thị K; địa chỉ: Thôn 2, Phù Lưu, xã P, huyện T, thành phố Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 25 tháng 6 năm 2020). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án ngày 06 tháng 11 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự Đ là vợ chồng. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, ngày 14 tháng 11 năm 2018 Tòa án nhân dân huyện T Nguyên đã ra Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 599/2018/QĐST- HNGĐ, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà và ông Nguyễn Tự Đ. Khi ly hôn, bà H và ông Đ đã không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản. Nay bà H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung giữa bà và ông Đ gồm có: Quyền sử dụng diện tích đất 285m² tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng (sau đây viết tắt là thửa đất số 688), trên đất có một nhà cấp 4 xây kiên cố; bếp, công trình phụ; 01 quán bán hàng; 01 lán tôn, sân; 01 trái sau nhà; cổng, tường bao xung quanh đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641 ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tự Đ. Nguồn gốc diện tích đất trên là của cụ Nguyễn Tự T1 và Trần Thị K (bố mẹ đẻ ông Đ) cho bà H và ông Đ từ khi kết hôn năm 1989. Sau khi đổi một phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Rót, ông Đ và bà H đã lấp ao, xây dựng một nhà cấp bốn hai gian và ăn ở sinh sống đến năm 2014 thì phá nhà cũ, xây dựng một nhà cấp bốn mới kiên cố và các công trình trên đất như hiện nay. Bà H và ông Đ đã ăn ở, sinh sống trên thửa đất số 688

từ sau khi kết hôn đến khi ly hôn (năm 2018) và là người nộp thuế cho Nhà nước. Hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng đất và các công trình trên đất. Các tài sản khác gồm: 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt (các tài sản đều đã cũ, qua sử dụng nhiều năm) và một số hàng tạp hóa gồm bim bim, bánh kẹo, xà phòng, bia, nước ngọt... hiện bà H đang quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản ông Đ đang quản lý sử dụng, bà H đồng ý với giá trị Hội đồng định giá đã định giá. Còn số tài sản bà H đang quản lý, sử dụng cùng hàng hóa không định giá được, bà Nguyễn Thị H đề nghị xác định giá trị là 100.000.000 đồng. Bà H cho rằng công sức đóng góp giữa bà và ông Đ là ngang nhau vì diện tích đất tuy là của bố mẹ ông Đ cho nhưng là ao chũng, bà H đã bỏ tiền ra mua đất từ trên núi về lấp ao để được hiện trạng như hiện nay. Bà H đề nghị Tòa án chia tài sản của bà và ông Đ sau khi ly hôn. Bà H được nhận quyền sử dụng 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt và một số hàng tạp hóa gồm bim bim, bánh kẹo, xà phòng, bia, nước ngọt... bà đang quản lý. Giao cho ông Đ nhận quyền sử dụng diện tích đất 285m² và các tài sản trên đất. Ông Đ được nhận tài sản có giá trị cao hơn thì phải trả cho bà tiền giá trị chênh lệch tài sản chung.

- Bị đơn ông Nguyễn Tự Đ và người đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày:

Đối với quyền sử dụng diện tích đất 285m² ở Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tự Đ vào năm 2004, nguồn gốc là của bố mẹ ông Đ là cụ Nguyễn Tự T1 và cụ Trần Thị K. Năm 1989, sau khi ông Đ kết hôn với bà H, bố mẹ ông Đ có cho vợ chồng ông Đ, bà H ăn ở, sinh sống trên diện tích đất này. Cụ T1, cụ K đã đồng ý để ông Đ và bà H đổi một phần đất cho gia đình bà Nguyễn Thị Rót. Sau khi đổi đất được sự giúp đỡ của anh em trong gia đình, bà H, ông Đ đã lấp ao xây nhà cấp bốn hai gian diện tích khoảng 40m², đến năm 2014 thì phá nhà cũ đi xây dựng một nhà cấp bốn kiên cố như hiện nay. Ông Đ, bà H ăn ở, sinh sống tại diện tích đất trên và nộp thuế cho Nhà nước từ đó đến khi ly hôn (năm 2018). Tuy nhiên, diện tích đất trên là của cụ T1 và cụ K cho riêng ông Đ, khi bà H và ông Đ còn là vợ chồng nên bà H được ăn ở, sinh sống trên thửa đất số 688 để nuôi dạy con cái. Nay bà H và ông Đ đã ly hôn, bà H không có quyền yêu cầu chia diện tích đất trên. Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho hộ ông Nguyễn Tự Đ là không đúng mà phải cấp cho cá nhân ông Nguyễn Tự Đ vì đây là tài sản cụ T1 và cụ K cho riêng ông Đ. Quá trình chung sống ông Đ và bà H có tài sản chung là: 01 nhà ở cấp bốn xây kiên cố; bếp, công trình phụ; 01 quán bán hàng; 01 lán tôn, sân; 01 trái tôn phía sau nhà; cổng, tường bao hiện do ông Nguyễn Tự Đ đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra còn có các tài sản khác gồm: 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt (các tài sản đều đã cũ, qua sử dụng nhiều năm) và một số

hàng tạp hóa gồm bim bim, bánh kẹo, xà phòng, bia, nước ngọt... hiện bà H đang quản lý, sử dụng.

Đối với tài sản bị đơn đang quản lý sử dụng, bị đơn đồng ý với Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá và không có ý kiến gì. Còn số tài sản nguyên đơn đang quản lý, sử dụng, tại bản trình bày ý kiến ngày 04/01/2020 (bút lục số 43 hồ sơ vụ án) bị đơn cho rằng tài sản nguyên đơn quản lý, sử dụng trị giá 800.000.000 đồng; ngày 29/5/2020 tại biên bản làm việc (bút lục số 132 hồ sơ vụ án) bị đơn cũng đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và thống nhất tài sản, hàng hóa nguyên đơn đang quản lý trị giá là 100.000.000 đồng; ngày 18/6/2020 và tại phiên tòa sau khi xem xét lại bị đơn thấy việc tài sản là hàng hóa nguyên đơn đã mang đi không định giá được, hàng hóa không còn giá trị sử dụng là lỗi của nguyên đơn nên nguyên đơn phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và thay đổi trị giá tài sản nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng là 420.000.000 đồng.

Nay bà H yêu cầu Tòa án chia tài sản sau khi ly hôn giữa bà H và ông Đ là quyền sử dụng diện tích đất 285 m² tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng và tài sản như đã trình bày ở trên. Quan điểm của bị đơn như sau:

Đối với bất động sản là quyền sử dụng diện tích đất 285m² tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng: Ông Đ không đồng ý chia diện tích đất này vì đây là tài sản của cụ Nguyễn Tụ T1 và cụ Trần Thị K cho riêng ông Đ, không phải là tài sản chung của ông Đ và bà H. Việc Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ là không đúng, đề nghị Tòa án xem xét hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641 của Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ ngày 16/7/2004.

Đối với động sản là tài sản trên đất và các tài sản khác: Ông Đ nhận các tài sản trên đất, bà H đã mang tài sản là hàng hóa đi theo trị giá 420.000.000 đồng nên ông Đ không có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch tài sản chung cho bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cụ Trần Thị K trình bày: Quyền sử dụng diện tích đất 285m² tại Thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Nguyễn Tụ T1 và cụ Trần Thị K. Năm 1989, khi ông Đ kết hôn với bà H, cụ T1 và cụ K cho ông Đ và bà H ăn ở trên diện tích đất này là tạo điều kiện nơi ăn chỗ ở cho vợ chồng ông Đ và bà H. Cụ T1 và cụ K đã đồng ý cho ông Đ, bà H đổi một phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Rót. Sau khi đổi đất ông Đ, bà H đổ đất lấp ao, xây 01 nhà cấp 4 hai gian diện tích khoảng 40m², ông Đ và bà H ăn ở, sinh sống trên diện tích đất này đến năm 2014 thì phá nhà cấp 4 cũ, xây nhà cấp 4 mới kiên cố và các công trình trên đất như hiện nay. Quá trình sử dụng, ông Đ và bà H là người nộp thuế cho nhà nước từ năm 1989 đến năm 2018 (khi ly hôn). Diện tích thửa đất số 688 cụ T1 và

cụ K chỉ cho ông Đ và bà H quản lý, sử dụng, ăn ở, sinh sống để nuôi con cái. Việc Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 688 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ là không đúng vì thời điểm đó cụ T1 và cụ K chỉ cho riêng ông Đ. Nay bà H và ông Đ đã ly hôn, bà H không có quyền yêu cầu chia tài sản chung là quyền sử dụng diện tích đất nêu trên. Quan điểm của cụ K đồng ý với yêu cầu của ông Đ về việc đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được cấp cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ và yêu cầu ông Đ bà H trả lại diện tích đất trên cho cụ T1 và cụ K. Các tài sản trên đất là của ông Đ và bà H xây dựng, khi ông Đ và bà H trả lại quyền sử dụng diện tích đất nêu trên cho cụ T1 và cụ K thì cụ T1 và cụ K sẽ có trách nhiệm thanh toán giá trị tài sản trên đất cho ông Đ và bà H. Giá trị tài sản trên đất cụ K nhất trí thanh toán theo giá trị Hội đồng định giá đã xác định và định giá tại Kết luận định giá tài sản.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Minh G trình bày: Về nguồn gốc diện đất 285m² thửa đất số 688 là của ông bà nội chị G cụ Nguyễn Tụ T1 và cụ Trần Thị K đã cho bố mẹ chị là ông Nguyễn Tụ Đ và bà Nguyễn Thị H từ khi kết hôn. Tài sản trên đất là của ông Đ và bà H xây dựng, chị G không có công sức đóng góp gì. Nay bà H và ông Đ chia tài sản chung sau khi ly hôn, chị G đề nghị Tòa án chia đất và các tài sản trên đất cho ông Đ và bà H. Chị G không có ý kiến gì với Kết luận định giá tài sản và nhất trí với quan điểm của bà H về trị giá các tài sản bà H đang quản lý, sử dụng là 100.000.000 đồng. Ngoài ra, chị G không còn yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tụ T có lời khai thể hiện: Về nguồn gốc diện đất 285m² thửa đất số 688 là của cụ Nguyễn Tụ T1 và cụ Trần Thị K cho ông Đ và bà H từ lâu. Tài sản trên đất là của ông Đ và bà H. Anh T có đưa cho bà H số tiền 60.000.000 đồng để trả nợ tiền xây nhà nhưng anh T không yêu cầu ông Đ và bà H trả lại số tiền trên vì đó là tiền anh cho ông Đ, bà H. Nay bà H và ông Đ chia tài sản chung sau khi ly hôn, anh T đề nghị Tòa án chia đất và các tài sản trên đất cho ông Đ và bà H. Ngoài ra, anh T không còn yêu cầu nào khác.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cung cấp tại Công văn số 1561/UBND-CNVPĐKD ngày 03/7/2020 thể hiện: Trình tự, thủ tục thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ được thực hiện theo đúng quy định của Luật đất đai năm 1993, sửa đổi năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00099 cấp ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ tại thửa số 688, tờ bản đồ số 02, xã Phù Ninh, T Nguyên là chưa có cơ sở.

- Trích đo hiện trạng thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 tại thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00099/QSĐĐ/HP-TN-PN ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ của Công ty Cổ phần

khảo sát và đo đạc Hà Đông, chi nhánh Hải Phòng ngày 25/02/2020 thể hiện: Tổng diện tích là 266,6m² (Bút lục số 62 hồ sơ vụ án).

- Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh cung cấp: Diện tích 285m² đất tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 tại thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, số vào sổ cấp giấy chứng nhận: 00099/QSĐĐ/HP-TN-PN ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ có nguồn gốc sử dụng ghi tại Sổ mục kê năm 1985 như sau: Số thửa 688b, chủ sử dụng Nguyễn Tụ Đ, diện tích 360m² thuộc đất thổ cư. Diện tích đất này được tách ra từ thửa đất số 687 của cụ Nguyễn Tụ T1. Thủ tục tách điền được ghi trong Sổ mục kê kiêm thống kê năm 1985, trang số 61 ghi “Ngày 26-4-91 tách điền cho con trai Nguyễn Tụ Đ 1 sào”. Diện tích của cụ Nguyễn Tụ T1 ghi số thửa 687, của ông Nguyễn Tụ Đ ghi 688b là do trước đó gia đình cụ T1 có chuyển đổi cho bà Nguyễn Thị Rót một phần diện tích đất để phù H với nhu cầu sử dụng thực tế của hai bên. Sau khi chuyển đổi, diện tích đất ông Đ, bà H sử dụng có hiện trạng thực tế như hiện nay. Năm 2004 thực hiện chính sách của Nhà nước, Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh đã làm tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ trong xã đủ điều kiện theo quy định, trong đó có hộ ông Nguyễn Tụ Đ (gồm có ông Đ, vợ là bà Nguyễn Thị H và 02 con nhỏ). Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh đã thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất của hộ ông Đ và các hộ dân khác trong xã theo đúng quy định của pháp luật. Việc đo vẽ thực tế diện tích đất hiện nay của hộ ông Nguyễn Tụ Đ là 266,6m² (chênh lệch 18,4m²) là do có độ dung sai khi trước đây đo vẽ bằng dây, chưa có xây tường bao xung quanh như hiện nay. Quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Tụ Đ từ khi sử dụng đến nay không có tranh chấp gì, hiện trạng không thay đổi.

- Kết quả định giá tài sản: Giá đất chuyển nhượng theo quy định của Nhà nước tại khu vực thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên là 3.333.000 đồng/m²; giá trao đổi trên thị trường là 3.500.000 đồng/m². Trích đo hiện trạng diện tích đất của hộ ông Nguyễn Tụ Đ là 266,6m².

Tài sản trên đất ông Nguyễn Tụ Đ đang quản lý sử dụng: 01 nhà ở cấp bốn mái bằng diện tích 93m² trị giá 210.000.000 đồng; công trình phụ và bếp trị giá 80.000.000 đồng; 01 lán tôn phía trước nhà cấp bốn và sân trị giá 2.400.000 đồng; 01 trái lợp tôn phía sau nhà cấp bốn trị giá 2.500.000 đồng; 01 quán mái lợp tôn lạnh diện tích 59,5m² trị giá 47.600.000 đồng; tường bao xung quanh xây gạch ba banh trị giá 9.900.000 đồng; một cổng sắt hộp trị giá 2.500.000 đồng.

Tài sản bà H đang quản lý, sử dụng: 01 ti vi nhãn hiệu Sam sung trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường trị giá 500.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo trị giá 500.000 đồng; 02 máy ép nước mía trị giá 500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 500.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Wave RS trị giá 5.000.000 đồng (các tài sản đều đã qua sử dụng).

Như vậy, diện tích đất $266,6 \text{ m}^2 \times 3.500.000 \text{ đồng/m}^2$ + giá trị tài sản trên đất, tổng là 1.288.000.000 đồng. Các tài sản khác trị giá 9.500.000 đồng.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự và người đại diện H pháp của đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ là đúng quy định của pháp luật. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tụ Đ ăn ở sinh sống trên thửa đất số 688 từ năm 1989 đến khi ly hôn không có tranh chấp gì và là người nộp thuế cho Nhà nước. Cụ Nguyễn Tụ T1, Trần Thị K đồng ý cho ông Đ, bà H đổi đất, lấp ao, xây nhà và có ký giáp ranh khi ông Đ làm hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên xác định diện tích đất 285 m^2 tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099/QSDĐ ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ và các công trình nhà ở, bếp, công trình phụ, lán tôn, sân, quán, cổng, tường bao xây dựng trên đất là tài sản chung của ông Đ, bà H. Các tài sản này có giá trị theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản là 1.288.000.000 đồng. Đối với tài sản bà H đang quản lý, sử dụng gồm 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt (các tài sản đều đã qua sử dụng) và một số hàng tạp hóa không định giá được do hết hạn sử dụng, không có nhãn mác bà H chấp nhận trị giá là 100.000.000 đồng, ông Đ không đồng ý nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên chấp nhận giá trị các tài sản bà H đang quản lý, sử dụng là 100.000.000 đồng. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 35, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia đôi giá trị tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tụ Đ. Giao cho ông Nguyễn Tụ Đ tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 285 m^2 tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099/QSDĐ ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tụ Đ (trích đo hiện trạng $266,6 \text{ m}^2$) và các công trình nhà ở, bếp, công trình phụ, lán tôn, sân, quán, cổng, tường bao xây dựng trên đất tại Thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng. Tài sản ông Nguyễn Tụ Đ được giao có tổng giá trị là 1.288.000.000 đồng. Giao cho bà Nguyễn Thị H tài sản là 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt (các tài sản đều đã qua sử dụng) và một số hàng tạp hóa. Tài sản bà Nguyễn Thị H được giao có tổng giá trị là 100.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tụ Đ có nghĩa vụ thanh toán

phần chênh lệch tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 594.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn TỰ Đ về việc hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099/QSĐĐ ngày 16/7/2004 của Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn TỰ Đ đang cư trú tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, cụ Nguyễn TỰ T1, ông Nguyễn TỰ Đ và anh Nguyễn TỰ T vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên, cụ Nguyễn TỰ T1, ông Nguyễn TỰ Đ và anh Nguyễn TỰ T.

[4] Về xác định tài sản chung của bà H và ông Đ:

[4.1] Về quyền sử dụng diện tích đất 285m² (trích đo hiện trạng 266,6m²) thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 tại Thôn Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641 cho hộ ông Nguyễn TỰ Đ vào ngày 16/7/2004: Nguồn gốc diện tích đất trên là của cụ Nguyễn TỰ T1. Cụ T1 và vợ là cụ Trần Thị K đã đồng ý cho bà H và ông Đ ăn ở, quản lý sử dụng từ năm 1989 (khi ông Đ kết hôn với bà H) đến năm 2018 (khi ông Đ, bà H ly hôn). Cụ T1 và cụ K đồng ý đổi một phần diện tích đất cho bà Nguyễn Thị Rót từ rất lâu không nhớ chính xác thời gian sau đó ông Đ và bà H đã đổ đất lấp ao xây dựng 01 nhà cấp bốn hai gian diện tích khoảng 40m² và ăn ở sinh sống đến năm 2014 thì phá đi, xây dựng 01 nhà cấp bốn mới diện tích 93m²; bếp, công trình phụ; 01 quán bán hàng; lán tôn, sân; cổng và tường bao xung quanh. Cụ T1, cụ K đều biết việc ông Đ, bà H đổ đất, lấp ao, xây nhà nhưng không ai có ý kiến gì. Quá trình sử dụng, ông Đ và bà H là người nộp thuế cho Nhà nước. Theo xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh, tại sổ mục kê năm 1985 thể hiện “ngày 26-4-91 tách điền cho con trai Nguyễn TỰ Đ 1 sào”. Năm 2004 Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh đã làm tờ trình đề nghị Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ dân trong xã đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước, trong đó có hộ ông Nguyễn TỰ Đ (theo sổ hồ sơ hộ 143/3, sổ sổ hộ khẩu 130 NK3a ngày 15/6/1997 của Công an huyện T Nguyên hộ ông Đ gồm có ông Nguyễn TỰ Đ, vợ là bà Nguyễn Thị H và 02 con Nguyễn Thị Minh G, Nguyễn TỰ T).

Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh đã thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất của hộ ông Đ và các hộ dân khác trong xã theo quy định. Theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tự Đ do Văn phòng đăng ký đất đai, chi nhánh huyện T Nguyên cung cấp và Văn bản trả lời của Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên thể hiện trình tự, thủ tục thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tự Đ được thực hiện theo đúng quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai sửa đổi năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ông Nguyễn Tự Đ là người làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất, ghi họ tên vợ là Nguyễn Thị H. Ngày 16/7/2004 Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 00099/QSDD/HP-TN-PN cho hộ ông Nguyễn Tự Đ. Từ khi Ủy ban nhân dân xã Phù Ninh thông báo công khai hồ sơ đăng ký đất và Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tự Đ đến khi bà H và ông Đ ly hôn (năm 2018), gia đình cụ T1, cụ K cũng không ai có khiếu nại gì về việc cấp đất, xây nhà. Điều này thể hiện ý chí của cụ T1, cụ K là đã cho ông Đ, bà H diện tích đất trên. Bị đơn ông Nguyễn Tự Đ thừa nhận diện tích đất trên là của cụ T1, cụ K đã cho ông nhưng đó là tài sản riêng. Lời khai của cụ T1, cụ K khai rằng cho ông Đ, bà H ăn ở để cùng nuôi dạy con cái nay bà H và ông Đ đã ly hôn bà H không có quyền chia diện tích đất trên, việc ông Đ tự ý kê khai giấy tờ, làm đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cụ T1, cụ K không biết là không có cơ sở chấp nhận. Lời khai của chị Nguyễn Thị Minh G và anh Nguyễn Tự T đều thống nhất thửa đất số 688 là của cụ T1, cụ K đã cho ông Đ, bà H từ khi kết hôn và là tài sản chung của ông Đ, bà H. Chị G, anh T không liên quan. Như vậy, có căn cứ xác định lời khai của nguyên đơn về việc cụ Nguyễn Tự T1, cụ Trần Thị K đã cho ông Nguyễn Tự Đ, bà Nguyễn Thị H diện tích đất trên là có cơ sở.

[4.2] Về tài sản, công trình trên đất gồm có: 01 nhà ở cấp bốn mái bằng diện tích 93m² trị giá 210.000.000 đồng; công trình phụ và bếp trị giá 80.000.000 đồng; 01 lán tôn phía trước nhà cấp bốn và sân trị giá 2.400.000 đồng; 01 trái lợp tôn phía sau nhà cấp bốn trị giá 2.500.000 đồng; 01 quán mái lợp tôn lạnh diện tích 59,5m² trị giá 47.600.000 đồng; tường bao xung quanh xây gạch ba banh trị giá 9.900.000 đồng; một cổng sắt hộp trị giá 2.500.000 đồng bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Tự Đ đều thừa nhận là tài sản chung. Các tài sản này hiện do ông Đ đang quản lý, sử dụng.

[4.3] Đối với 01 ti vi nhãn hiệu Sam sung trị giá 1.000.000 đồng; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic trị giá 1.500.000 đồng; 01 giường trị giá 500.000 đồng; 01 tủ đựng quần áo trị giá 500.000 đồng; 02 máy ép nước mía trị giá 500.000 đồng; 01 máy giặt trị giá 500.000 đồng; 01 xe máy nhãn hiệu Wave RS trị giá 5.000.000 đồng (các tài sản đều đã qua sử dụng) và một số hàng tạp hóa, hiện có loại không có nhãn mác, có loại không còn giá trị sử dụng, các bên đương sự đều không cung cấp được hóa đơn các loại hàng nên Hội đồng định giá không xác định được giá. Tài sản này hiện do bà H đang quản lý, sử dụng. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà H chấp nhận tài sản bà H đang quản lý sử dụng trị giá là 100.000.000 đồng. Tại biên bản làm việc ngày 29/5/2020 nguyên đơn và bị

đơn cũng đã thống nhất trị giá các tài sản nguyên đơn đang quản lý, sử dụng là 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó bị đơn không đồng ý và cho rằng việc hàng hóa hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, thất thoát là do lỗi của nguyên đơn và bị đơn xác định giá trị tài sản nguyên đơn đang quản lý là 420.000.000 đồng nhưng ngoài lời khai bị đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận tài sản nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đang quản lý, sử dụng trị giá là 100.000.000 đồng.

[4.4] Như vậy, xác định tài sản chung của ông Đ và bà H hiện gồm: Diện tích đất 285 m² (trích đo hiện trạng 266,6m²) và các công trình trên đất tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng trị giá 1.288.000.000 đồng. Các tài sản (tủ lạnh, giường, tủ, máy giặt, xe máy, hàng tạp hóa...) trị giá 100.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung của bà H và ông Đ được xác định là 1.388.000.000 đồng.

[5] Về yêu cầu chia tài sản của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự Đ: Thừa đất số 688 được cấp cho hộ ông Nguyễn Tự Đ nhưng các con của bà H và ông Đ là chị Nguyễn Thị Minh G, anh Nguyễn Tự T đều khẳng định đây là tài sản chung của bà H, ông Đ và đề nghị Tòa án chia cho bà H, ông Đ. Chị G, anh T không liên quan và không có yêu cầu gì khác. Xét công sức đóng góp của bà H và ông Đ trong việc tạo dựng, duy trì khối tài sản chung là ngang nhau nên chia mỗi người nhận $\frac{1}{2}$ tương đương số tiền 694.000.000 đồng. Xét nguồn gốc diện tích đất 285m² là của bố mẹ ông Đ cho ông Đ và H từ khi kết hôn, ông Đ và bà H làm nhà, ăn ở sinh sống trên đất và đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện ông Đ đang quản lý, sử dụng diện tích đất 285m² và các công trình trên đất, bà H đồng ý để ông Đ nhận đất và các công trình trên đất nên căn cứ Điều 33, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình giao cho ông Nguyễn Tự Đ tài sản chung là diện tích đất 285 m² (trích đo hiện trạng 266,6m²) và các công trình trên đất tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng trị giá 1.288.000.000 đồng; giao cho bà Nguyễn Thị H tài sản chung là 01 tivi nhãn hiệu Sam sung; 01 tủ lạnh nhãn hiệu Panasonic; 01 giường; 01 tủ đựng quần; 02 máy ép nước mía; 01 máy giặt; 01 xe máy nhãn hiệu Wave RS (các tài sản đều đã qua sử dụng) và một số hàng tạp hóa hiện bà H đang quản lý, sử dụng trị giá 100.000.000 đồng. Ông Nguyễn Tự Đ nhận phần tài sản bằng hiện vật có giá trị lớn hơn phần được chia tài sản chung nên ông Nguyễn Tự Đ có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H phần chênh lệch là 1.388.000.000 đồng - 694.000.000 đồng - 100.000.000 đồng = 594.000.000 đồng.

[6] Về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tự Đ Đ và yêu cầu ông Nguyễn Tự Đ và bà Nguyễn Thị H trả lại diện tích đất 285m² của cụ Nguyễn Tự T1, cụ Trần Thị K: Xét việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Tự Đ được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai sửa đổi năm 2001 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Mặt khác, ông Đ và bà H sử dụng diện tích đất trên ổn định từ năm 1989 đến năm 2018, xây dựng nhà ở và công

trình trên đất, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước. Quá trình sử dụng và xây dựng nhà ở cụ T1, cụ K đều biết nhưng không có ý kiến gì nên yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Tự Đ và yêu cầu trả lại diện tích đất của cụ Nguyễn Tự T1, cụ Trần Thị K là không có căn cứ nên không chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29, Điều 33, Điều 35, Điều 59, Điều 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, chia tài sản cho bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Tự Đ, mỗi người được sở hữu phần tài sản trị giá 694.000.000 đồng.

- Giao cho ông Nguyễn Tự Đ tài sản là quyền sử dụng diện tích đất 285m² tại thửa đất số 688, tờ bản đồ số 02 đã được Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099/QSDĐ ngày 16/7/2004 cho hộ ông Nguyễn Tự Đ (trích đo hiện trạng 266,6m²) và các công trình nhà ở, bếp, công trình phụ, lán tôn, sân, quán, cổng, tường bao xây dựng trên đất tại Thôn 2, Phù Lưu, xã Phù Ninh, huyện T Nguyên, T phố Hải Phòng. Tài sản ông Nguyễn Tự Đ được giao có tổng giá trị là 1.288.000.000 đồng (Một tỷ hai trăm tám mươi tám triệu đồng).

- Giao cho bà Nguyễn Thị H tài sản là 01 ti vi, 01 giường, 01 tủ đựng quần áo, 01 tủ lạnh, 01 xe máy Wave RS, 02 máy ép nước mía, 01 máy giặt (các tài sản đều đã qua sử dụng) và một số hàng tạp hóa. Tài sản bà Nguyễn Thị H được giao có tổng giá trị là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Đối trừ nghĩa vụ, ông Nguyễn Tự Đ có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch tài sản chung cho bà Nguyễn Thị H số tiền là 594.000.000 đồng (Năm trăm chín mươi tư triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Nguyễn Tự Đ về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 888641, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00099/QSDĐ ngày 16/7/2004 của Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 31.760.000 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003240 ngày 10 tháng 12 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp 19.760.000 đồng (Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ông Nguyễn Tự Đ phải chịu 31.760.000 đồng (Ba mươi một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng) án phí chia tài sản chung và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch do yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được chấp nhận. Cộng bằng 32.060.000 đồng (Ba mươi hai triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa (bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T, cụ Trần Thị K) có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (Ủy ban nhân dân huyện T Nguyên, ông Nguyễn Tự Đ, anh Nguyễn Tự T, cụ Nguyễn Tự T1 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường H bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND T phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thuỷ Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thuỷ Nguyên;
- UBND xã Phù Ninh, huyện T Nguyên;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

